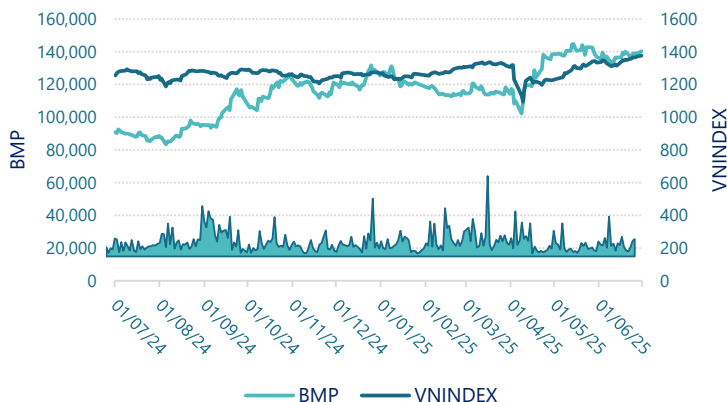




CTCP Nhựa Bình Minh (HSX: BMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	140,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	144,667
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	83,351
SL cổ phiếu LH	81,860,938
KLGD BQ 20 phiên (CP)	161,360
% sở hữu nước ngoài	85.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,485
P/E	10.1
EPS	13,894

DT thuần

Q2/25

1,308

tỷ VNĐ

QoQ: ▼75.0| -5.4%

YoY: ▲ 155| 13.5%

LN sau thuế

Q2/25

330

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 43.0| 14.9%

YoY: ▲ 50.0| 17.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

31.5%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

6T 2025

2,691

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 535| 24.8%

LN sau thuế

6T 2025

617

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 147| 31.2%

ROE

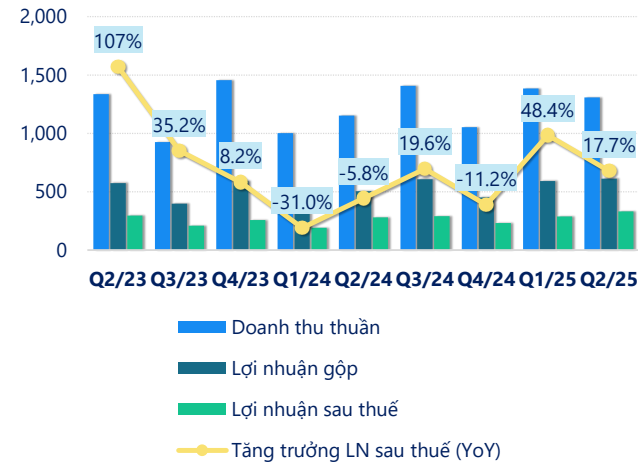
Q2/25

41.7%

+/- YoY: ▲ 7.2%

tỷ VNĐ

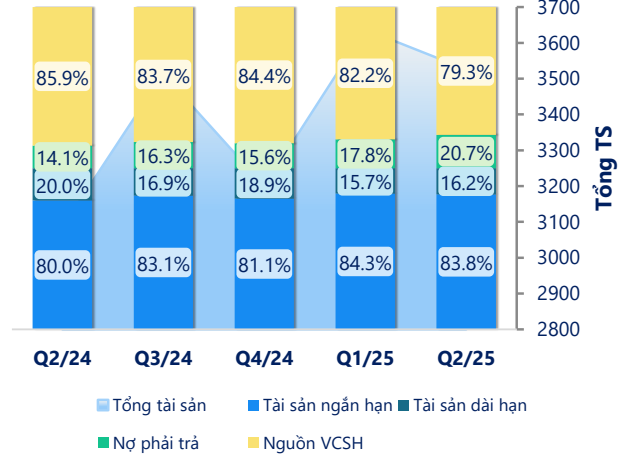
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

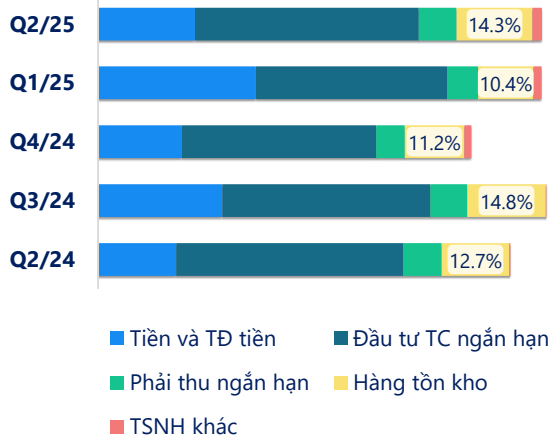
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



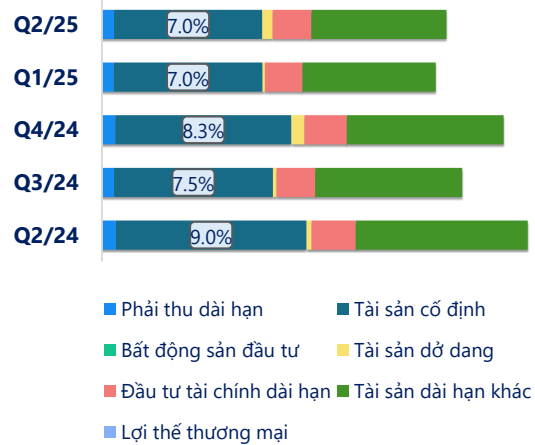
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

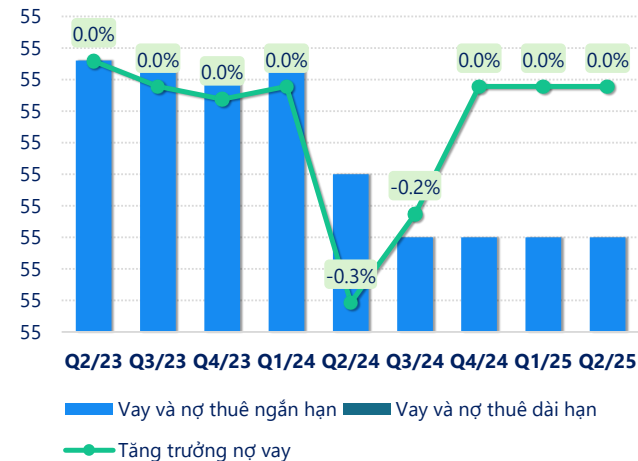
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

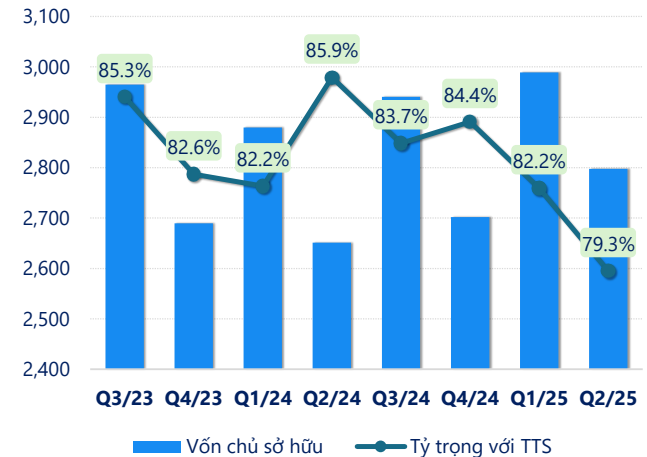
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

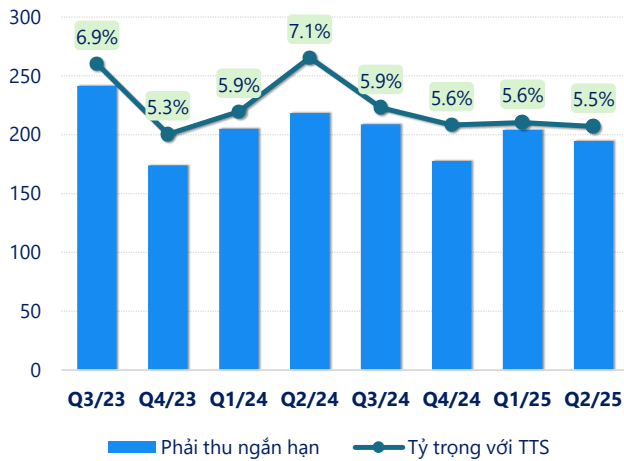
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



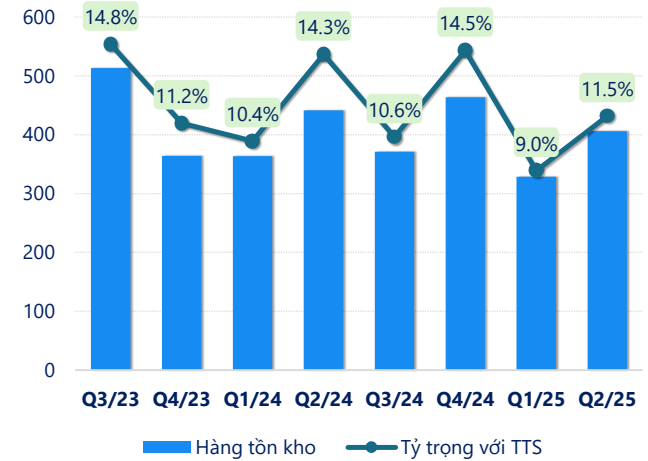
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


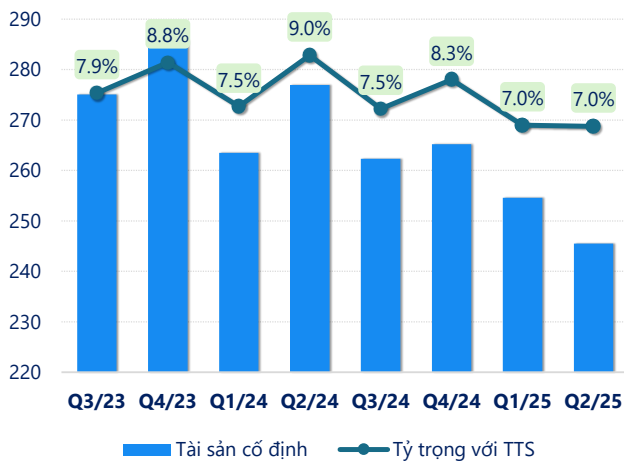
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


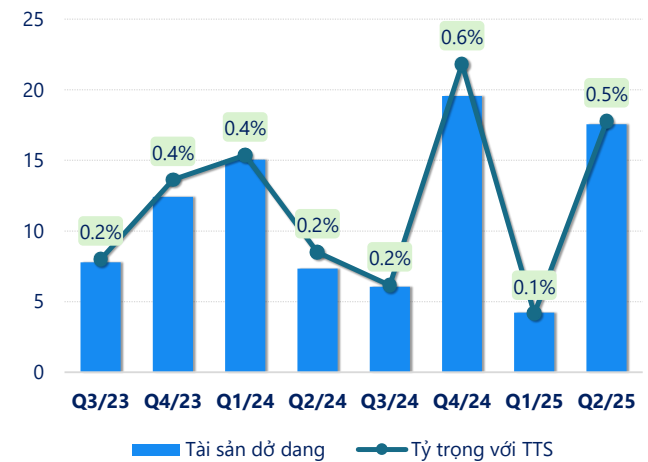
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

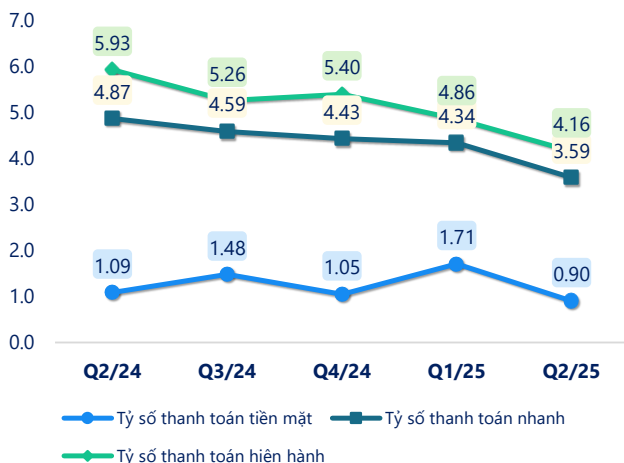
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,085	3,514	3,200	3,637	3,526
Tài sản ngắn hạn	2,467	2,918	2,596	3,066	2,955
Tiền và tương đương tiền	453	821	504	1,078	641
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,300	1,470	1,410	1,396	1,656
Phải thu ngắn hạn	218	209	178	204	195
Hàng tồn kho	442	371	464	329	406
Tài sản ngắn hạn khác	54.8	47.1	40.6	59.1	56.6
Tài sản dài hạn	618	595	604	571	571
Phải thu dài hạn	20.0	20.0	20.0	20.0	20.0
Tài sản cố định	277	262	265	255	246
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.35	6.06	19.6	4.23	17.5
Đầu tư tài chính dài hạn	63.9	64.0	63.8	63.9	64.2
Tài sản dài hạn khác	250	243	236	228	224
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	434	573	499	649	728
Nợ ngắn hạn	416	555	481	631	711
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	54.9	54.9	54.9	54.9
Phải trả người bán ngắn hạn	98.4	130	172	190	174
Nợ dài hạn	18.1	17.9	17.8	17.7	17.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,651	2,941	2,702	2,989	2,798
Vốn chủ sở hữu	2,651	2,941	2,702	2,989	2,798
Vốn điều lệ	819	819	819	819	819
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)